

Ngày: 20/01/2026

V/v : “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung
khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sao Hôm và ông Phạm Việt
Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng Nga, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực
10, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên
tòa:** Bà Quách Thị Nền, Kiểm sát viên.

Ngày 20/01/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10, thành phố Hải
Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số
265/2025/TLST-HNGĐ, ngày 24/10/2025, về việc Ly hôn và tranh chấp nuôi
con chung khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXX-
ST ngày 09/12/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/QĐST-HNGĐ, ngày
30/12/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Thu H, sinh ngày 24 tháng 02 năm 1992,
CCCD số 008192000046, cấp ngày 24/9/2021. Nơi cư trú: Đội 9 Đồng Xá B, xã
K, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 03 tháng 10 năm 1996, CCCD số
030096009164, cấp ngày 03/7/2021. Nơi cư trú: Đội 9 Đồng Xá B, xã K, thành
phố Hải Phòng. (Anh T hiện đang chấp hành án phạt tù tại đội 39 Phân trại số 2,
Trại giam S. Địa chỉ: Xã T, tỉnh Nghệ An).

(Chị H và anh T đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án,
nguyên đơn chị Vũ Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T từ ngày 29
tháng 5 năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã
Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã K, thành phố Hải Phòng).

Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh
phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai – ba
năm gần đây, anh T ham chơi, không quan tâm gia đình, vợ con mà chỉ biết đến

bản thân, chơi bời đàn đúm và còn đi cặp bồ, về nhà gây sự đánh chửi chị. Cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, dần đi vào bế tắc. Chị và Nguyễn Thị H1 là mẹ anh T cũng đã khuyên giải, động viên rất nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh T còn sử dụng ma túy, hiện đã bị Tòa án xử phạt 7 năm 6 tháng tù về tội ma túy, mới đi cải tạo được hơn một năm nay.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân anh T còn phải thụ án nhiều năm, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị, quyền mưu cầu hạnh phúc, ổn định cuộc sống và nuôi các con nhỏ ăn học, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Nguyễn Vũ Kiều M, sinh ngày 30/11/2019, số định danh cá nhân: 030319015667 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 17/10/2021, số định danh cá nhân: 030221011314. Cả hai con chung đều đang ở cùng chị. Sau ly hôn, chị xin được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị làm công nhân, thu nhập bình quân 12 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn trình bày, anh T khai: Anh và chị H kết hôn năm 2019. Anh hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam S, tỉnh Nghệ An. Chị H xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị H có hai con chung là Nguyễn Vũ Kiều M, sinh ngày 30/11/2019 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 17/10/2021. Anh muốn được nuôi cả hai con chung và anh yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh 3.000.000 đồng/tháng cho cả hai con; anh nhờ mẹ anh là bà Nguyễn Thị H1 chăm sóc các con trong thời gian anh chấp hành án phạt tù.

Về tài sản chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại địa phương, được bà Dương Thị O là Phó Chủ tịch Hội phụ nữ xã K, đồng thời là hàng xóm của anh T và chị H, cung cấp: Anh T và chị H có nhiều mâu thuẫn, bất đồng, cụ thể mâu thuẫn thế nào, lý do tại sao bà không nắm được.

Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975, là mẹ đẻ anh T cũng có lời khai: Chị Vũ Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, anh T và chị H sinh sống tại nhà bà. Trong cuộc sống vợ chồng H - T cũng có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, anh T hiện đang chấp hành án phạt tù, không có mặt tại gia đình.

Nay chị H xin ly hôn anh T, bà có quan điểm: Nếu chị H và anh T không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau thì bà cũng nhất trí cho anh T và chị H ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật.

Vợ chồng H - T có hai con chung là Nguyễn Vũ Kiều M, sinh năm 2019 và Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2021. Nếu chị H và anh T ly hôn, bà đề nghị tạm giao cho chị H được nuôi dưỡng, chăm sóc. Sau khi anh T chấp hành án xong nếu anh T có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết.

Tại phiên tòa:

Anh T vắng mặt. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh T; chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H, bản tự khai và đơn trình bày của anh T, tóm tắt nội dung vụ án và công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T. Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cả hai con chung Nguyễn Vũ Kiều M, sinh ngày 30/11/2019, số định danh cá nhân: 030319015667 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 17/10/2021, số định danh cá nhân: 030221011314 cho chị H được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng có đủ cơ sở xác định:

[1] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:* Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T đã được Tòa án (thông qua Trại giam nơi anh T đang cải tạo) tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng do anh T đang chấp hành án phạt tù, không thể có mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vũ Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T kết hôn từ ngày 29 tháng 5 năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã K, thành phố Hải Phòng), là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị H và anh T là do vợ chồng không có tiếng nói chung, anh T không quan tâm gia đình, vợ con, thường xuyên chơi bời, tụ tập bạn bè và sử dụng ma túy. Qua xác minh tại địa phương, được bà Dương Thị O là Phó Chủ tịch Hội phụ nữ xã K, đồng thời là hàng xóm của anh T và chị H, cung cấp: Anh T và chị H có nhiều mâu thuẫn, bất đồng; bà Nguyễn Thị H1, là mẹ đẻ anh T cũng có lời khai: Chị H và anh T kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, anh T và chị H sinh sống tại nhà bà. Trong cuộc sống vợ chồng H - T cũng có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nay chị H xin ly hôn anh T, bà có quan điểm: Nếu chị H và anh T không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau thì bà cũng nhất trí cho anh T và chị H ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T gửi đơn trình bày: Anh đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam S, tỉnh Nghệ An, anh đồng ý ly hôn chị H.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, anh T không quan tâm đến vợ, con; anh T là người sử dụng ma túy, hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam S, Cục C – Bộ C1; mục đích hôn nhân không đạt được; chị H xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn chị H. Cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị H và anh T có hai con chung là Nguyễn Vũ Kiều M, sinh ngày 30/11/2019, số định danh cá nhân: 030319015667 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 17/10/2021, số định danh cá nhân: 030221011314. Cả hai cháu đều đang ở cùng chị H. Sau ly hôn, chị H xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị làm công nhân, thu nhập bình quân khoảng 12 triệu đồng/tháng. Anh T muốn được nuôi cả hai con chung và anh yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh 3.000.000 đồng/tháng cho cả hai con; anh nhờ mẹ anh là bà Nguyễn Thị H1 chăm sóc các con trong thời gian anh chấp hành án phạt tù. Bà H1 là mẹ đẻ anh T đề nghị tạm giao cho chị H được nuôi dưỡng, chăm sóc cả cháu M và cháu Đ. Sau khi anh T chấp hành án xong nếu anh T có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết.

Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, căn cứ điều kiện của anh T và chị H và để đảm bảo quyền lợi của con trẻ, bà H1 là mẹ đẻ anh T cũng muốn giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu. Do vậy, không có căn cứ giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Xét nên giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung đến khi mỗi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, là phù hợp.

Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết,

anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn anh T và không thuộc trường hợp được miễn án phí nên chị phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Điều 39 Bộ luật dân sự. Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

3/ Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị Thu H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung là Nguyễn Vũ Kiều M, sinh ngày 30/11/2019, số định danh cá nhân: 030319015667 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 17/10/2021, số định danh cá nhân: 030221011314 đến khi mỗi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

4/ Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng chị đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo biên lai ký hiệu: BLTU/25E số: 0004166 ngày 17 tháng 10 năm 2025.

5/ Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H và anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND khu vực 10-Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 10-Hải Phòng;
- UBND xã Kim Thành-Hải Phòng
(Đề vào sổ theo dõi việc đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng Tòa án.

Nguyễn Văn Trung